

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/DS-PT
Ngày 28 tháng 4 năm 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

Các Thẩm phán:

Bà **Giang Thị Cẩm Thuý**

Ông **Trương Thanh Dũng**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 27 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trịnh Thị T**, sinh năm 1938. Địa chỉ cư trú: ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (Chết ngày 16/01/2022).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

+ Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1957

+ Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1973

+ Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1961

+ Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1961

+ Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Là con ruột của Bà **Trịnh Thị T**. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 7 năm 2022. (có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Ông **Phạm Văn Ê**, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(có mặt)*

+ Ông **Lê Minh R**, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(có mặt)*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1957

+ Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1973

+ Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1961

+ Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 02 năm 2020. *(có mặt)*

+ Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(có mặt)*

+ Bà **Trương Thị C**, sinh năm 1966. *(vắng mặt)*

+ Bà **Phạm Thị Kim N**, sinh năm 1992. *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

+ Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(vắng mặt)*

+ Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1984. *(vắng mặt)*

+ Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1988. *(vắng mặt)*

+ Ông **Lê Văn I**, sinh năm 1990. *(vắng mặt)*

+ Bà **Lê Hồng T**, sinh năm 1992. *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

+ **Ủy ban nhân dân thị xã G**. Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Đỗ Thanh C**, Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường. Theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 7 năm 2022. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2019, các lời khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B; người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T là ông Nguyễn Văn B; người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn S là ông Nguyễn Văn B; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Phần đất hiện nay phía ông Ê và ông R chiếm có nguồn gốc của vợ chồng ông B và bà T và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 31.023m² do ông Nguyễn Văn B đứng tên.

Ông B và bà T có cho gia đình ông Ê và ông R đến ở nhờ và phát sinh tranh chấp, được Ủy ban nhân dân thị xã G giải quyết theo Quyết định số 06 ngày 17 tháng 02 năm 2005, kết luận phần đất ông Ê và ông R đang ở là của ông B và bà T nhưng tiếp tục cho ông Ê ở diện tích 188,4m² (theo đo đạc là phần III) và trả tiền cho ông B và bà T giá trị là 15.120.000đ; ông Lê Minh R ở diện tích 251,3 m² (theo đo đạc là phần VI) và trả tiền cho ông B và bà T giá trị là 20.160.000đ.

Hiện nay ông Ê và ông R đã giao tiền theo quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã G nhưng lại lần chiếm luôn phần đất theo đo đạc thực tế ngày 10 tháng 11 năm 2020.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Ê và ông R giao trả phần đất đã chiếm, cụ thể yêu cầu ông Ê trả lại quyền sử dụng diện tích đất 558,7 m², yêu cầu ông R trả lại quyền sử dụng diện tích đất 689,8 m², đất tranh chấp tọa lạc tại ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 16/01/2022, bà T chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà T gồm: Bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B yêu cầu ông Ê và ông R giao trả phần đất đã chiếm, cụ thể yêu cầu ông Ê trả lại quyền sử dụng diện tích đất 558,7 m², yêu cầu ông R trả lại quyền sử dụng diện tích đất 689,8 m², đất tranh chấp tọa lạc tại ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn ông Phạm Văn Ê trình bày:*

+ Phần đất này có nguồn gốc của ông Lữ Văn I và bà Lữ Thị C (ông I và bà C là anh em ruột của ông Ê).

+ Năm 1986, ông Ê công tác ấp và mẹ của ông là thương binh nên ông mới hỏi ông I và bà C để ở nhờ trên đất.

+ Năm 1988, thì mẹ ông là bà Hồ Thị H (đã chết) có làm đơn xin được cấp phần đất này và đến năm 1992 thì được cấp diện tích 500m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20 tháng 9 năm 1992 và sử dụng cho đến nay.

Cho nên ông không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

- *Bị đơn ông Lê Minh R trình bày:*

+ Phần đất nay có nguồn gốc của ông Lữ Văn I và bà Lữ Thị C.

+ Năm 1989, ông công tác tại thanh tra xã nên ông mới hỏi ông I và bà C để ở nhờ trên đất.

+ Năm 1990, ông có làm đơn xin được cấp phần đất và đến năm 1993 thì ông được cấp diện tích 1.500m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23 tháng 02 năm 1993 và sử dụng cho đến nay.

Cho nên ông không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ (vợ ông R) trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông R, không có ý kiến bổ sung.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Trương Thị C và bà Phạm Thị Kim N (vợ và con của ông Ê); bà Lê Thị N, ông Lê Văn N, ông Lê Văn I, bà Lê Thị T (con ông R) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai được.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân thị xã G trình bày:

+ Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân thị xã G có ý kiến về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Bền thời điểm hiện nay chưa phát hiện sai sót.

+ Ông Phạm Văn Ê và ông Lê Minh R cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Hồ Thị H (mẹ ruột ông Ê) và ông R, đồng thời cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận này nhưng không có đủ căn cứ xác định, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tánh và ông R không có sổ thửa, không có tờ bản đồ theo các hệ thống bản đồ qua các thời kỳ nên không có cơ sở để xác định vị trí được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trịnh Thị T.

2. Buộc ông Phạm Văn Ê và bà Trương Thị C có nghĩa vụ khai thác cây trồng và tháo dỡ công trình trên đất (nếu có) để giao trả cho hàng thừa kế của ông B và bà T gồm: Bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B các phần đất ký hiệu I và IV, cụ thể:

- Phần I diện tích $159,5\text{m}^2 + 25,7\text{m}^2 = 185,2\text{m}^2$ (trong đó: diện tích $159,5\text{m}^2$ thuộc một phần thửa số 126 tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Văn Búng tên và một phần thửa số 70 tờ bản đồ số 21 do ông B đăng ký kê khai sổ mục kê 378; diện tích $25,7\text{m}^2$ thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông), tọa lạc ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (tuyên tứ cạnh kèm theo)

- Phần IV diện tích $338,7\text{m}^2 + 52,2\text{m}^2 = 390,9\text{m}^2$ (trong đó: diện tích $338,7\text{m}^2$ thuộc một phần thửa số 126 tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Văn Búng tên; diện tích $52,2\text{m}^2$ thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông) tọa lạc ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (tuyên tứ cạnh kèm theo)

3. Công nhận phần đất diện tích $60,5\text{m}^2$ (phần II) thuộc một phần thửa số 126 tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Văn Búng tên tọa lạc ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, cho ông Phạm Văn Ê và bà Trương Thị C, (tuyên tứ cạnh kèm theo)

4. Buộc ông Phạm Văn Ê và bà Trương Thị C có nghĩa vụ trả giá trị phần đất diện tích $60,5\text{m}^2$ với số tiền 50.379.000đ cho hàng thừa kế của ông B và bà T

gồm: Bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B.

5. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã G thu hồi và điều chỉnh quyền sử dụng đất diện tích 60,5m² thuộc một phần thửa số 126 tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Văn B đứng tên, tọa lạc ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu khi ông Phạm Văn Ê và bà Trương Thị C thực hiện xong nghĩa vụ trả giá trị và đi đăng ký kê khai theo quy định.

6. Công nhận phần đất diện tích 225,8m² thuộc một phần thửa số 126 tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Văn B đứng tên, tọa lạc ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, cho ông Lê Minh R và bà Phạm Thị Đ (tuyên tứ cạnh kèm theo).

7. Buộc ông Lê Minh R và bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ trả giá trị phần đất diện tích 225,8m² với số tiền 188.091.000đ, cho hàng thừa kế của ông B và bà T gồm: bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B.

8. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã G thu hồi và điều chỉnh quyền sử dụng đất diện tích 225,8m² thuộc một phần thửa số 126 tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Văn B đứng tên, tọa lạc ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu khi ông Lê Minh R và bà Phạm Thị Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả giá trị và đi đăng ký kê khai theo quy định.

9. Buộc ông Lê Minh R và bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ khai thác cây trồng và tháo dỡ công trình trên đất (nếu có) để giao trả cho hàng thừa kế của ông B và bà T gồm: Bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B. Phần đất (phần VII) diện tích 473m² + 58,9m² = 531,9m² (trong đó: diện tích 473m² thuộc một phần thửa số 126 tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Văn B đứng tên; diện tích 58,9m² thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông), tọa lạc ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (tuyên tứ cạnh kèm theo)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2022, ông Lê Minh R kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 07/10/2022, ông Phạm Văn Ê kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 10/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS theo hướng đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Ê, ông R giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Bằng giữ nguyên ý kiến đã trình bày ở sơ thẩm, đề nghị giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy kháng nghị hủy một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận một phần, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thẩm quyền giải quyết, vi phạm tố tụng nghiêm trọng và việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung nên cần hủy án sơ thẩm giao về giải quyết theo thủ tục chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Ê và ông Lê Minh R, chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 10/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Ê, ông R, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G trong thời hạn luật định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Các đương sự khác đã được Tòa án triệu tập lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.3] Xét bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp lập ngày 10/11/2020 thì thời điểm này Tòa án có ra Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số 04/2020/QĐ-XXTĐTC ngày 14/10/2020 đối với phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có biên bản đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/11/2020 mà chỉ có bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp. Đây là một trong những chứng cứ quan trọng để xác định các thửa đất tranh chấp và tài sản trên đất nhưng trong hồ sơ vụ án không có biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lập ngày 10/11/2020 là thực hiện chưa đúng với quy định tại Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự “... việc xem xét thẩm định tại chỗ phải ghi thành biên bản...”

[1.4] Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2019 bà T yêu cầu ông Ê trả lại quyền sử dụng diện tích đất 558,7 m², yêu cầu ông R trả lại quyền sử dụng diện tích đất 689,8 m², đất tranh chấp tọa lạc tại ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi bà T chết thì hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm: Bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự:

“Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”.

Như vậy, phạm vi giải quyết trong vụ án này là yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ông Ê trả lại quyền sử dụng diện tích đất 558,7 m², yêu cầu ông R trả lại quyền sử dụng diện tích đất 689,8 m², đất tranh chấp tọa lạc tại ấp G, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; không bao gồm phần đất trong chỉ giới quy hoạch giao thông Ê các phần đất tranh chấp gồm: 25,7m² của Phần I; 52,2m² của phần IV; 58,9m² của phần VII theo như Bản án sơ thẩm tuyên. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết luôn phần đất thuộc lộ giới quy hoạch là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định tại Điều 5, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự mà cấp phúc thẩm không khắc phục được.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc thu thập chứng cứ chứng minh của cấp sơ thẩm không theo đúng quy định tại chương VII của Bộ luật Tố tụng dân sự và có những vi phạm về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Một phần nhận định trong quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do huỷ án sơ thẩm nên không xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Ê và ông R.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1/ Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 10/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G.

Huỷ bản Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự không phải chịu.

Hoàn lại cho ông Phạm Văn Ê 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0004365 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Hoàn lại cho ông Lê Minh R 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0004366 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tăng Trần Quỳnh Phương